

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2022/HNGĐ-PT

Ngày: 18 - 01 -2022

V/v: Ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Bá Lưu

Các Thẩm phán: Ông Dương Viết Hải; Bà Từ Thị Hải Dương

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị Thu - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Bình: Bà Lê Thị Ngọc Loan - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 01 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình xét xử công khai vụ án hôn nhân gia đình phúc thẩm thụ lý số 16/2021/TLPT-HNGĐ ngày 12/11/2021 về việc “Ly hôn”.

Do bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 89/2021/HNGĐ-ST ngày 29/9/2021 của Tòa án nhân dân huyện Minh Hóa bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 2775/2021/QĐ-PT ngày 30/12/2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Lê Thị Anh Đ, sinh năm 1989

Trú tại: Tổ 5, tiểu khu T, thị trấn Tr, huyện T, tỉnh Quảng Bình. Có mặt

Bị đơn: Anh Cao Quốc T, sinh năm 1990

Trú tại: Thôn H 1, xã H, huyện H, tỉnh Quảng Bình. Có mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo hồ sơ vụ án và bản án sơ thẩm thì nội dung vụ án như sau:

* *Nguyên đơn chị Lê Thị Anh Đ trình bày:* Chị và anh Cao Quốc T tìm hiểu và kết hôn hoàn toàn tự nguyện, đăng ký kết hôn ngày 03/11/2015 tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện H, tỉnh Quảng Bình. Thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc và sinh được 01 con chung. Tuy nhiên cuộc sống chung hạnh phúc được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn, vợ chồng thường xuyên cãi nhau, dẫn đến sống ly thân. Chị Đ xác định tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống

chung vợ chồng không thể khắc phục nên chị làm đơn xin được ly hôn với anh T.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung Cao Lê Cẩm T, sinh ngày 06/4/2016. Ly hôn chị Đ có nguyện vọng được nuôi con và yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con 1.000.000 đồng/tháng.

Về tài sản chung: Quá trình giải quyết vụ án tại các phiên hòa giải chị Đ khai trong thời gian anh T đi lao động tại nước ngoài có gửi về cho chị một số tiền nhưng chị đã chi tiêu hết. Tuy nhiên tại phiên tòa sơ thẩm ngày 29/9/2021 chị Đ khai số tiền anh T gửi về cho chị là 570.000.000 đồng nhưng hiện nay trong tài khoản chị còn 280.000.000 đồng. Ngoài ra theo chị Đ thì anh T còn gửi tiền về cho bên nội nhưng chị không có tài liệu, chứng cứ. Ly hôn chị không nhất trí chia đôi khoản tiền nói trên.

Về nợ chung của vợ chồng không có

** Bị đơn anh Cao Quốc T quá trình giải quyết vụ án, các phiên hòa giải và tại phiên tòa sơ thẩm trình bày:*

Về tình cảm: Anh T nhất trí như ý kiến trình bày của chị Lê Thị Anh Đ. Anh T xác định hiện tình cảm vợ chồng không còn, không có khả năng cải thiện nên anh nhất trí ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung cháu Cao Lê Cẩm T, sinh ngày 06/4/2016. Hiện cháu T đang ở với anh. Ly hôn anh T cũng có nguyện vọng được nuôi dưỡng cháu T, yêu cầu chị Đ cấp dưỡng nuôi con 1.000.000 đồng/tháng.

Về tài sản chung: Theo anh T trong thời gian anh đi lao động tại nước ngoài có gửi tiền về cho chị Đ có bản sao kê của Ngân hàng số tiền 570.000.000 đồng. Tại phiên tòa sơ thẩm chị Đ cũng thừa nhận và cho rằng đã chi tiêu hết còn lại trong tài khoản chị Đ 280.000.000 đồng, anh T đề nghị chia đôi số tiền còn lại 280.000.000 đồng.

Về nợ chung của vợ chồng không có

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 89/2021/HNGĐ-ST ngày 29/9/2021 của Tòa án nhân dân huyện Minh Hóa,, tỉnh Quảng Bình đã quyết định:

Căn cứ các Điều 28, Điều 147 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 28, 29, 33, 38, 39, 51, 56, 81, 83, 83, 84 Luật hôn nhân gia đình; điểm đ, khoản 1 Điều 12, Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí Tòa án, xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Lê Thị Anh Đ được ly hôn anh Cao Quốc T.

2. Về con chung: Xử giao cho anh Cao Quốc T được nuôi dưỡng cháu Cao Lê Cẩm T, sinh ngày 06/4/2016, buộc chị Lê Thị Anh Đ có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con 1.000.000 đồng/tháng cho đến khi cháu T tròn 18 tuổi. Việc cấp dưỡng kể từ tháng 11/2021. Không ai được ngăn cản việc đi lại chăm sóc con chung, khi cần thiết vì quyền lợi của con một trong hai bên có quyền làm đơn yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con.

3. Về tài sản chung: Buộc chị Lê Thị Anh Đ có nghĩa vụ trả lại số tài sản chung chị Đ đang quản lý cho anh Cao Quốc T số tiền 140.000.000 đồng.

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí, nghĩa vụ thi hành án và tuyên quyền kháng cáo cho các bên đương sự.

* Ngày 06/10/2021, chị Lê Thị Anh Đ có đơn kháng cáo với nội dung: Yêu cầu cấp phúc thẩm giải quyết cho chị được quyền nuôi dưỡng cháu Cao Lê Cẩm T, thẩm tra xác minh lại tài sản chung của vợ chồng vì anh T kê khai không đúng thực tế.

** Tại phiên tòa phúc thẩm:*

- Anh Cao Quốc T đồng ý trừ đi số tiền 40.000.000 đồng khi cưới gia đình bên ngoại cho vợ chồng và 20.000.000 đồng tiền thai sản của chị Đ trong số tiền 280.000.000 đồng. Còn lại 220.000.000 đồng chia đôi. Anh T cũng mong muốn được chăm sóc nuôi dưỡng con Cao Lê Cẩm T.

- Chị Đ rút yêu cầu về số tiền mà anh T gửi về cho gia đình bên nội, đồng ý chia đôi số tiền 220.000.000 đồng, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho chị được nuôi con Cao Lê Cẩm T.

** Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Bình:*

- Về tố tụng: Trong quá trình tiến hành tố tụng, giải quyết vụ án người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quy định của pháp luật.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự. Sửa án sơ thẩm giao quyền nuôi con cho chị Lê Thị Anh Đ, chấp nhận sự thỏa thuận của các đương sự chia đôi số tiền là tài sản chung của vợ chồng còn lại 220.000.000 đồng mỗi người 110.000.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Thẩm quyền giải quyết, người tham gia tố tụng và người tiến hành tố tụng, Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét, giải quyết, thực hiện đúng theo quy định của pháp luật.

Đơn kháng cáo của chị Lê Thị Anh Đ hợp lệ, trong hạn luật định nên được xem xét lại theo thủ tục phúc thẩm.

[2]. Xét các nội dung kháng cáo của chị Lê Thị Anh Đ

[2.1]. Đối với yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung cháu Cao Lê Cẩm T, Hội đồng xét xử xét thấy: Việc nuôi dưỡng, giáo dục con cái là trách nhiệm của cha mẹ. Chị Đ và anh T đều có nguyện vọng được nuôi con chung, nguyện vọng của anh chị là hoàn toàn chính đáng. Song khi giao con cho ai nuôi dưỡng cần xem xét người đó có điều kiện để nuôi dưỡng con phát triển toàn diện về mọi mặt hay không. Hiện tại chị Đ đang sống chung tại nhà ngoại chưa có chỗ ở ổn định, trong khi đó cháu Cao Lê Cẩm T hiện đang sống cùng anh T, đã ổn định về điều kiện sống, ăn học, phát triển bình thường, khỏe mạnh về thể chất lẫn tinh thần. Hiện tại anh T có thu nhập kinh tế ổn định, có điều kiện chăm sóc cháu T. Xét về điều kiện kinh tế, nơi sinh sống thì anh Tuấn đảm bảo về điều kiện nuôi con hơn chị Đ. Vì vậy để đảm bảo quyền lợi của con cần giao cháu Cao Lê Cẩm T cho anh T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp.

[2.2]. Đối với kháng cáo về tài sản chung của vợ chồng: Tại phiên tòa sơ thẩm chị Đ và anh T đều thừa nhận trong thời gian anh T đi lao động nước ngoài có gửi về cho chị Đ số tiền 570.000.000 đồng. Theo chị Đ đã dùng trong số tiền đó chi tiêu lo cho cuộc sống gia đình, hiện trong tài khoản của chị Đ còn 280.000.000 đồng. Hội đồng xét thấy, số tiền 570.000.000 đồng mặc dù do anh T đi lao động ở nước ngoài gửi về nhưng đây là tài sản được tạo lập trong thời kỳ hôn nhân, chị Đ mặc dù ở nhà nhưng là người chăm lo cho cuộc sống gia đình, anh T cũng nhất trí số tiền còn lại 280.000.000 đồng và yêu cầu được chia đôi. Do đó, cấp sơ thẩm chia đôi mỗi người được 1/2 số tiền là hoàn toàn phù hợp.

Tại phiên tòa phúc thẩm anh T đồng ý trừ đi khoản tiền 40.000.000 đồng khi cưới gia đình bên ngoại cho và 20.000.000 đồng tiền thai sản của chị Đ trong số tiền 280.000.000 đồng, còn lại 220.000.000 đồng chia đôi. Chị Đức cũng đồng ý. Do đó, chấp nhận sự thỏa thuận của các bên đương sự xác định số tiền là tài sản chung của vợ chồng còn lại là 220.000.000 đồng, chia đôi mỗi người 110.000.000 đồng.

[3]. Về án phí: Do kháng cáo được chấp nhận nên chị Lê Thị Anh Đ không chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 148, khoản 2 Điều 308, Điều 313 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

1. Chấp nhận một phần kháng cáo của chị Lê Thị Anh Đ, sửa bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 89/2021/HNGĐ-ST ngày 29/9/2021 của Tòa án nhân dân huyện Minh Hóa, tỉnh Quảng Bình.

Căn cứ các Điều 28, Điều 147 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 28, 29, 33, 38, 39, 51, 56, 81, 83, 83, 84 Luật hôn nhân gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí Tòa án, xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Lê Thị Anh Đ được ly hôn anh Cao Quốc T.

- Về con chung: Xử giao cho anh Cao Quốc T được nuôi dưỡng cháu Cao Lê Cẩm T, sinh ngày 06/4/2016, buộc chị Lê Thị Anh Đ có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con 1.000.000 đồng/tháng cho đến khi cháu T tròn 18 tuổi. Việc cấp dưỡng kể từ tháng 11/2021. Không ai được ngăn cản việc đi lại chăm sóc con chung, khi cần thiết vì quyền lợi của con một trong hai bên có quyền làm đơn yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con.

- Về tài sản chung: Chấp nhận sự thỏa thuận của các bên đương sự xác định số tiền là tài sản chung của vợ chồng còn lại là 220.000.000 đồng, chia đôi mỗi người 110.000.000 đồng. Chị Lê Thị Anh Đ có nghĩa vụ trả lại số tài sản chung chị Lê Thị Anh Đ đang quản lý cho anh Cao Quốc T số tiền 110.000.000 đồng.

2. Về án phí:

- Chị Lê Thị Anh Đ không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Sửa lại án phí dân sự sơ thẩm chị Lê Thị Anh Đ phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm về tranh chấp ly hôn, 5.500.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về phân chia tài sản và 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con. Được khấu trừ 300.000 đồng tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp theo biên lai số AA/2017/0004465 ngày 16/6/2021 và 300.000 đồng tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo biên lai số 31AA/2021/0000513 ngày 21/10/2021 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Minh Hoá, tỉnh Quảng Bình. Chị Đức còn phải nộp 5.500.000 đồng.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực thi hành kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong khoản tiền, hàng tháng bên

phải thi hành án còn phải chịu thêm một khoản tiền lãi đối với số tiền còn chưa thi hành theo mức lãi suất cơ bản do Ngân hàng nhà nước công bố tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Quảng Bình;
- TAND huyện Minh Hóa;
- Chi cục THADS huyện Minh Hóa;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, án văn.

**T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Võ Bá Lưu